

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trương Đăng	Triều	3672051973	29/09/1994	,00	,00	,00	
2	Nguyễn Công	Hiền	3772050676	08/02/1994	,00			
3	Nguyễn Văn	Hiền	3772050677	04/10/1995	6,00	2,30	3,40	
4	Nguyễn Văn	Hưng	3772050688	04/01/1995	6,00	,00	1,80	
5	Ngô Văn	Mừng	3772050694	06/01/1995	8,00	,00	2,40	
6	Nguyễn Tiến	Quang	3772050696	04/02/1995	6,00	,80	2,40	
7	Tạ Công	Đồng	3772050697	30/06/1995	5,00	1,30	2,40	
8	Nguyễn Chí	Cường	3772050698	21/02/1995	7,00	,50	2,50	
9	Trần Minh	Dũng	3772050701	06/03/1995	,00	,00	,00	CT
10	Đặng Song	Lam	3772050703	08/03/1995	6,00	,50	2,20	
11	Đoàn Thanh	Hưng	3772050704	28/06/1995	6,00	3,30	4,10	
12	Đỗ Công	Linh	3772050706	21/05/1995	,00	,00	,00	CT
13	Phạm Trọng	Nghĩa	3772050707	23/02/1993	5,00	,00	1,50	
14	Hồ Thanh	Liêm	3772050708	26/04/1995	6,00	,00	1,80	
15	Huỳnh Trung	Quý	3772050710	19/10/1995	5,00	,50	1,90	
16	Nguyễn Đức	Trung	3772050711	10/09/1994	5,00	2,80	3,50	
17	Dương Tuấn	Kiệt	3772050723	23/05/1994	4,00	1,50	2,30	
18	Trần Văn	Vĩnh	3772050726	05/07/1995	6,00	1,00	2,50	
19	Trần Ngọc	Tây	3772050727	10/10/1995	6,00	,80	2,40	
20	Nguyễn Công	Hậu	3772050736	11/10/1995	9,00	5,30	6,40	
21	Trần	Hưng	3772050745	22/06/1995	6,00	,00	1,80	
22	Lê Viết	Cường	3772050753	13/01/1994	4,00	,50	1,60	
23	Lê Hữu	Hiệp	3772050759	10/06/1993	6,00	,80	2,40	
24	Phạm Ngọc	Dự	3772050761	25/04/1995	7,00	2,00	3,50	
25	Nguyễn	Mỹ	3772050764	20/01/1995	10,00	1,30	3,90	
26	Hồ Thanh	Sơn	3772050771	26/09/1994	,00			
27	Bế Văn	Công	3772050775	07/10/1995	6,00	,00	1,80	
28	Nguyễn Bá	Lim	3772050780	27/01/1995	5,00	1,00	2,20	
29	Nguyễn Văn	Trị	3772050782	17/04/1995	2,00	,00	,60	
30	Nguyễn Tấn	Vũ	3772050786	12/11/1995	7,00	1,00	2,80	
31	Huỳnh Phi	Hùng	3772050790	08/01/1995	6,00	,30	2,00	
32	Nguyễn Thiên	Nhật	3772050802	26/11/1995	6,00	,00	1,80	
33	Phạm Văn	Cường	3772050821	20/02/1995	,00			
34	Nguyễn Văn	Nghĩa	3772050823	14/09/1995	8,00	4,50	5,60	
35	Tô Thanh	Mộng	3772050827	16/04/1995	6,00	2,80	3,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Lê Xuân	Trường	3772051128	10/05/1995	,00			CT
37	Phan Lê Đắc	Tú	3772051137	20/11/1995	7,00	,30	2,30	
38	Lê Văn	Thuận	3772051157	29/03/1995	6,00	4,30	4,80	
39	Trương	Long	3772051159	21/07/1995	,00	,00	,00	CT
40	Đỗ Ngọc	Tiến	3772051161	30/06/1995	4,00	,00	1,20	
41	Lê Công	Nhất	3772051180	26/03/1995	5,00	2,50	3,30	
42	Nguyễn Văn	Tơ	3772051183	23/11/1994	,00			
43	Nguyễn Văn	Thu	3772051188	20/12/1994	,00			
44	Trần Đình	Đỗ	3772051195	01/07/1995	6,00	1,30	2,70	
45	Đặng Minh	Nhí	3772051207	19/08/1994	6,00	2,00	3,20	
46	Cao Văn	Đạo	3772051227	14/01/1994	,00			CT
47	Tiêu Văn	Khiêm	3772051229	16/12/1995	6,00	,30	2,00	
48	Phạm Văn	Dương	3772051249	11/04/1995	,00	,00	,00	CT
49	Nguyễn Văn	Trung	3772051260	26/03/1995	,00			CT
50	Trần Phú	Thuận	3772051272	16/05/1995	6,00	3,00	3,90	
51	Phạm Ngọc	Thắng	3772051296	02/03/1995	,00			
52	Nguyễn Văn	Hòa	3772051317	23/03/1995	,00			
53	Võ Sỹ Anh	Tuấn	3772051319	02/01/1994	,00	4,80	3,40	
54	Phạm Thanh	Tuấn	3772051334	20/10/1994	,00	,00	,00	
55	Nguyễn Văn	Mạnh	3772051339	18/05/1993	,00	,00	,00	
56	Giáp Phan Ngọc	Quyền	3772051361	17/04/1994	,00	1,80	1,30	
57	Đặng Phong	Phú	3772051367	14/04/1995	,00	1,50	1,10	
58	Nguyễn	Trọng	3772051377	11/11/1994	,00	,50	,40	
59	Phan Văn	Tuấn	3772051405	12/01/1995	,00	,00	,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)